

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

Số: 558 /QĐ - UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày 15 tháng 02 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự toán lập Đề án “Quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020”.

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước (Sửa đổi) ngày 16 tháng 12 năm 2002; Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ về việc: “Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước”; Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2003 của Bộ Tài chính về việc: “Hướng dẫn Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước”;

Căn cứ Thông tư 58/2011/TT-BTC ngày 11/5/2011 của Bộ Tài chính về việc: “Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê”;

Căn cứ Quyết định số 5256/2015/QĐ-UBND ngày 14/12/2015 của UBND tỉnh Thanh Hóa về: “Giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2016”; Quyết định số 2894/2015/QĐ-UBND ngày 05/8/2015 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc: “Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các hội nghị đối với cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Thanh Hoá”;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tỉnh Thanh Hóa tại Công văn số 404/STC-HCSN ngày 02/02/2016 về việc: “Kinh phí lập Đề án: Quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020” và đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Thanh Hóa tại Công văn số 116/SNN&PTNT-QLCL ngày 14/01/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán kinh phí lập Đề án “Quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020” để chủ đầu tư và các ngành, các đơn vị có liên quan thực hiện; với các nội dung chủ yếu sau:

1. Đơn vị thực hiện: Chi cục quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản tỉnh Thanh Hoá.

2. Tổng dự toán kinh phí: 218.000.000,0 đồng (Hai trăm mười tám triệu đồng).

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

3. Nguồn kinh phí: Từ nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế khác trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2016.

4. Tổ chức thực hiện:

4.1. Căn cứ Quyết định phê duyệt dự toán của Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Tài chính có trách nhiệm tổng hợp, trình Chủ tịch UBND tỉnh bổ sung dự toán cho Chi cục quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản Thanh Hoá để thực hiện, đảm bảo theo đúng quy định hiện hành.

4.2. Chi cục quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản Thanh Hoá có trách nhiệm thực hiện Đề án theo đúng quy định hiện hành của nhà nước và các Quyết định có liên quan của cấp có thẩm quyền.

Điều 2. Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và PTNT, Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa, Chi cục quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản Thanh Hoá, các ngành và đơn vị có liên quan căn cứ vào nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm tổ chức thực hiện, đảm bảo theo đúng các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và PTNT; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Chi cục trưởng Chi cục quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản Thanh Hoá; Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

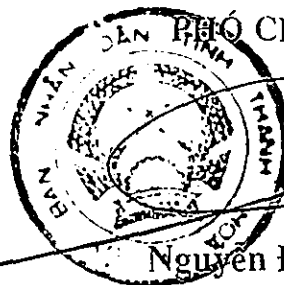


Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ (để thực hiện);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTC Thn201623 (15).

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Quyền

Phụ lục:

DỰ TOÁN KINH PHÍ LẬP ĐỀ ÁN "QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP VÀ AN TOÀN THỰC PHẨM NÔNG LÂM THỦY SẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HOÁ ĐẾN NĂM 2020"

(Kèm theo Quyết định số 558 /QĐ-UBND ngày 15/02/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Dự toán đơn vị lập	Cơ sở tính	Dự toán thẩm định, phê duyệt
	Tổng cộng:	380.340.000		217.556.000
	Làm tròn số:			218.000.000
I	Kinh phí xây dựng và duyệt đề cương Đề án	73.990.000		21.900.000
<i>1</i>	<i>Xây dựng đề cương</i>	<i>10.000.000</i>		<i>3.000.000</i>
<i>2</i>	<i>Duyệt đề cương</i>	<i>15.695.000</i>		<i>12.900.000</i>
	Hội nghị thảo luận tại đơn vị	2.200.000		
	Hội nghị lấy ý kiến các đơn vị thuộc Sở (1 cuộc)	6.400.000	30 người x 200.000 đồng/người/ngày	6.000.000
	Hội nghị lấy ý kiến các Sở, ban ngành	6.000.000	30 người x 200.000 đồng/người/ngày	6.000.000
	Tiền nước uống (4 cuộc hội nghị)	1.095.000	60 người x 15.000 đồng/người/ngày (1 buổi)	900.000
	<i>Tiền công làm việc ngoài giờ hành chính và ngày nghỉ (người trực tiếp xây dựng đề cương)</i>	<i>38.295.000</i>		
<i>3</i>	<i>Hội nghị tổng kết nghiệm thu đề cương</i>	<i>10.000.000</i>	30 người x 200.000 đồng/người/ngày	<i>6.000.000</i>
<i>4</i>	<i>Kinh phí khảo sát, điều tra thực trạng, thu thập thông tin</i>	<i>105.360.000</i>		<i>84.256.000</i>
II	Kinh phí đi khảo sát, điều tra, thu thập thông tin tại các huyện, thị xã, TP; các cơ sở sản xuất kinh doanh VTNN và ATTP nông lâm thủy sản	95.360.000		74.256.000
<i>1</i>	<i>Công tác phí</i>	<i>38.880.000</i>	2 ngày/huyện x 4 người x 2 đợt x 27 huyện x 180.000 đồng/ngày/người	<i>38.880.000</i>
-	Tiền thuê phòng ngủ	17.600.000	2 tối/huyện x 11 huyện miền núi x 4 người x 200.000 đồng/tối/người	17.600.000
-	Tiền xăng xe	19.440.000	27 huyện x 100km x 18 lít/100km x 16.000 đồng/ lít	7.776.000
-	Chi công cho người cung cấp thông tin	19.440.000		10.000.000
<i>2</i>	<i>Tiền mua văn phòng phẩm</i>	<i>5.000.000</i>		<i>5.000.000</i>

Handwritten signature

TT	Nội dung	Dự toán đơn vị lập	Cơ sở tính	Dự toán thẩm định, phê duyệt
3	Tiền in ấn tài liệu	5.000.000		5.000.000
III	Kinh phí xây dựng đề án	124.400.000		96.400.000
1	Kinh phí tổng hợp, xử lý số liệu khảo sát, thu thập thông tin	5.000.000		5.000.000
2	Kinh phí báo cáo tổng hợp số liệu khảo sát, thu thập thông tin	5.000.000		5.000.000
3	Kinh phí xây dựng và hoàn thiện đề án	20.000.000		20.000.000
4	Kinh phí đọc đề án	30.000.000	30 đơn vị x 500.000 đồng/đơn vị	15.000.000
5	Kinh phí Hội nghị lấy ý kiến góp ý đề án	46.000.000		36.000.000
-	Hội nghị lấy ý kiến các đơn vị thuộc Sở (1 cuộc)	10.000.000	30 người x 200.000 đồng/người/ngày	6.000.000
-	Hội nghị lấy ý kiến các Sở, ban ngành	6.000.000	30 người x 200.000 đồng/người/ngày	6.000.000
-	Hội nghị lấy ý kiến các huyện, thị xã, thành phố, các doanh nghiệp, cơ sở SXKD	12.000.000	60 người x 200.000 đồng/người/ngày	12.000.000
-	Hội nghị thông qua tại UBND tỉnh, Ban Thường vụ tỉnh uỷ	18.000.000	30 người x 2 cuộc x 200.000 đồng/người/ngày	12.000.000
6	Tiền in ấn tài liệu	11.500.000		10.000.000
7	Tiền nước uống (4 cuộc hội nghị)	6.900.000	180 người x 30.000 đồng/người/ngày (2 buổi)	5.400.000
IV	Kinh phí công làm việc ngoài giờ hành chính và ngày nghỉ	76.590.000		15.000.000

Man